

Đồng Xoài, ngày 12 tháng 4 năm 2024

Số: 20/2024/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 44/2023/TLST-DS ngày 21/3/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

Nguyên đơn ông **Lê Xuân C**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: **khu phố T, thị trấn T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước**.

Bị đơn: Ông **Bùi Quang L**, sinh năm: 1960, bà **Quản Thị T**, sinh năm: 1964.  
Cùng địa chỉ: **Nhà T, ấp C, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Võ Thị Lệ C1**, sinh năm 1965;
- Ông **Bùi Quang L1**, sinh năm 1961;
- Bà **Bùi Cẩm V**, sinh năm: 1989;
- Ông **Bùi Quang V1**, sinh năm: 1994;

Cùng địa chỉ: **Số C Lô E, B, phường F, quận H, thành phố Hồ Chí Minh**.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Bùi Quang L1**, bà **Võ Thị Lệ C1**, ông **Bùi Cẩm V**, bà **Bùi Quang V1** là ông **Nguyễn Đỗ Bảo C2**, sinh năm: 1980. Địa chỉ: **A N, phường A, Quận E, thành phố Hồ Chí Minh**.

**II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1. Hủy hợp đồng đặt cọc ngày 10/4/2021 được ký kết giữa ông **Lê Xuân C** và ông **Bùi Quang L** về việc đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 104, tờ bản đồ số 34 diện tích 24705 m<sup>2</sup> tọa lạc **thôn H, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước**.

2. Hậu quả của việc hủy hợp đồng đặt cọc:

Ông **Bùi Quang L1**, bà **Võ Thị Lệ C1** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **Lê Xuân C** tổng số tiền 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) gồm 100.000.000đồng tiền cọc và 50.000.000đồng tiền bồi thường.

*Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Bùi Quang L1**, bà **Võ Thị Lệ C1** tự nguyện chịu 50%. Ông **Bùi Quang L1**, bà **Võ Thị Lệ C1** liên đới phải nộp số tiền 1.875.000đồng (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông **Lê Xuân C** tự nguyện chịu 50%, phải nộp số tiền 1.875.000đồng (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 14.300.000đồng (mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000391 ngày 18/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Ông **Lê Xuân C** được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 12.425.000đồng (mười hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

II. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND Tp ĐX;
- Chi cục THADS Tp ĐX;
- Các đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Đình Kiên**